

*Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 201 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |                |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27211203203 | Nguyễn Trần Quốc Anh   | 01/06/2003 | Lâm Đồng       | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204642508 | Nguyễn Thị Kiều Chinh  | 23/09/2004 | Quảng Bình     | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 29206535477 | Hoàng Phúc Nguyên Hậu  | 20/02/2005 | Quảng Nam      | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28206534905 | Trần Thị Thúy Hiền     | 01/04/2004 | Quảng Trị      | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28204102446 | Đường Thị Bảo Khánh    | 29/11/2004 | Thừa Thiên Huế | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28206553328 | Nguyễn Thị Vân Khánh   | 01/05/2004 | Nghệ An        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28214602349 | Trịnh Duy Khoa         | 10/07/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28204940570 | Nguyễn Thùy Linh       | 24/11/2004 | Đắk Lắk        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28208005205 | Nguyễn Hoàng Ngọc Mai  | 16/01/2004 | Đắk Lắk        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28206500297 | Vũ Phương Nhi          | 03/09/2004 | Gia Lai        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28204635877 | Nguyễn Thị Hồng Nhiên  | 06/05/2004 | Quảng Bình     | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28204603346 | Đỗ Thị Trinh Nữ        | 02/07/2004 | Quảng Nam      | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28214604202 | Lê Quý                 | 03/06/2004 | Gia Lai        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28219241553 | Phan Văn Thành         | 18/06/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28206254900 | Trần Vũ Anh Thi        | 20/09/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28210440730 | La Thanh Trọng         | 20/12/2004 | Huế            | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28210406043 | Trần Lê Công Tú        | 02/12/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28214328940 | Ngô Tạo Mạnh Tuấn      | 10/08/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28214321978 | Phạm Đình Tuyên        | 12/04/2004 | Đà Nẵng        | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 29206557655 | Đoạn Thị Thu Uyên      | 08/02/2005 | Quảng Trị      | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 29206563297 | Nguyễn Thị Thảo Vi     | 07/05/2005 | Quảng Nam      | 31SYC2  |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 28204639706 | Hoàng Thị Khánh Linh   | 23/05/2004 | Quảng Nam      | 30TYC13 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 23 | 27207201331 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 26/02/2003 | Thanh Hóa      | 30TYC13 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 24 | 27202131041 | Đinh Thị Vỹ Tâm        | 11/10/2003 | Đà Nẵng        | 31SHT1  |       |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 05/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ    |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|------------|
|    |             |                        |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |            |
| 1  | 28206502565 | Đinh Thị Thanh Xuân    | 30/03/2004 | Hà Tĩnh        | 31SYC2 |       |        |        |      |     |            |
| 2  | 27215301845 | Phạm Quang Anh         | 08/02/2003 | Ninh Bình      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 3  | 27215303032 | Hồ Lê Tuấn Anh         | 16/04/2003 | Hà Tĩnh        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 4  | 28204501211 | Nguyễn Ngọc Quỳnh      | 08/04/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 5  | 28212305883 | Nguyễn Hoàng Anh       | 30/06/2004 | Quảng Bình     | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 6  | 28204300465 | Nguyễn Thị Ni Châu     | 05/05/2003 | Đắk Lắk        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 7  | 28206252031 | Lê Trần Minh Châu      | 06/12/2004 | Phú Yên        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 8  | 27215351396 | Võ Trọng Đăng          | 01/04/2002 | Nghệ An        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 9  | 27205330770 | Trần Ngọc Thanh Đoan   | 06/05/2003 | Khánh Hòa      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 10 | 28206205983 | Nguyễn Thị Thùy Dung   | 01/12/2004 | Gia Lai        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 11 | 27215351311 | Nguyễn Lê Dương        | 02/08/2003 | Nghệ An        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 12 | 28214349661 | Trần Đức Hùng          | 07/10/2004 | Quảng Bình     | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 13 | 28216906311 | Ngô Bùi Văn Hưng       | 30/07/2004 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 14 | 28216649635 | Nguyễn Hoàng Gia Huy   | 22/10/2004 | Kon Tum        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 15 | 27215302071 | Cao Trung Kiên         | 18/09/2003 | Đắk Lắk        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 16 | 27212240364 | Trần Xuân Lành         | 01/08/2003 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |            |
| 17 | 25208609726 | Nguyễn Thị Xuyên       | 08/10/2001 | Đắk Lắk        | 31TBN2 |       |        |        |      |     | Hoãn Đ2 T3 |
| 18 | 28204946330 | Mai Thị Thu Hà         | 06/08/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |
| 19 | 28212224635 | Nguyễn Văn Kiệt        | 07/03/2005 | Quảng Ngãi     | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |
| 20 | 28204953815 | Trần Thị Kiều Ngân     | 23/11/2004 | Quảng Bình     | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |
| 21 | 28204606112 | Mạc Thị Phương         | 16/08/2004 | Bình Định      | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |
| 22 | 28204951568 | Hoàng Phương Thảo      | 26/03/2004 | Đắk Lắk        | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |
| 23 | 28204643600 | Cao Nguyễn Huyền Trang | 04/05/2004 | Quảng Bình     | 31TYC2 |       |        |        |      |     | Thi ghép   |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 05/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 27215345573 | Hoàng Thị Kim Liễu     | 01/09/2002 | Bình Định      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204306036 | Nguyễn Trần Khánh Linh | 05/07/2004 | Quảng Bình     | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28215150303 | Nguyễn Tuấn Linh       | 20/06/2004 | Hà Tĩnh        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 26213335615 | Hồ Đoàn Hoàng Long     | 22/11/2002 | Đà Nẵng        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 27205345555 | Lê Tăng Lực            | 05/11/2003 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 27205352060 | Lê Hoàng Kim Ngân      | 16/01/2003 | Kon Tum        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28204345807 | Hồ Thị Hiếu Ngân       | 27/09/2004 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28204605707 | Nguyễn Hồ Hoàng Nhi    | 05/07/2004 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 27203500515 | Quảng Thị Minh Phương  | 25/10/2001 | Đà Nẵng        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28204652825 | Lê Trúc Quyên          | 24/03/2004 | Gia Lai        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28204635713 | Trương Thị Phương Thảo | 18/04/2004 | Huế            | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28214603204 | Nguyễn Việt Toàn       | 15/06/2004 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 27205352607 | Trần Kiều Xuân Trâm    | 08/02/2003 | Lâm Đồng       | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28204346816 | Vũ Thị Huỳnh Trâm      | 25/11/2004 | Phú Yên        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28204638962 | Nguyễn Thị Bích Trâm   | 27/10/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28204601693 | Hồ Thùy Trang          | 22/08/2004 | Quảng Ngãi     | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28212602150 | Nguyễn Đào Anh Tuấn    | 19/02/2004 | Quảng Nam      | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28205101374 | Lê Trần Thanh Uyên     | 12/01/2004 | Kon Tum        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28205254427 | Văn Đình Minh Uyên     | 16/07/2003 | Đắk Lắk        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 28206501269 | Đào Hải Uyên           | 06/05/2004 | Nghệ An        | 31TYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 27215301981 | Vũ Duy Tuấn Anh        | 11/12/2003 | Đắk Nông       | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 22 | 27215344159 | Bùi Lê Ánh             | 17/05/2003 | Quảng Nam      | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 23 | 28216206207 | Lê Trần Gia Bảo        | 18/10/2003 | Quảng Trị      | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 24 | 28216602458 | Võ Sinh Công           | 22/03/2004 | Quảng Nam      | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 25 | 28206700567 | Nguyễn Ngô Hạ Đan      | 08/07/2004 | Quảng Nam      | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 26 | 28206620477 | Nguyễn Thị Thái Dương  | 26/05/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP       | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------|-----------|------------|-----------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |           |           |            |           |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 27 | 27218202102 | Võ Thanh  | Duy       | 21/11/2003 | Quảng Nam | 31TYC4 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 05/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                       |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 27202345987 | Phạm Thị Hiền         | 17/03/2003 | Quảng Bình | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28206501604 | Trần Thị Hiền         | 11/11/2004 | Nghệ An    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28218102451 | Phan Thị Hoa          | 05/05/2004 | Gia Lai    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 27218228557 | Phạm Ngọc Hưng        | 28/07/2003 | Nghệ An    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28212206383 | Lê Bá Khải            | 13/09/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28206638713 | Nguyễn Ngọc Khánh     | 29/11/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28206506051 | Nguyễn Thị Cảnh Linh  | 23/11/2004 | Quảng Trị  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28206500218 | Đoàn Khánh Ly         | 08/04/2004 | Quảng Trị  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28204500202 | Võ Thị Yên            | 29/09/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28206603787 | Nguyễn Kim Ngân       | 15/11/2004 | Quảng Nam  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28206548148 | Nguyễn Thị Hạ Nhi     | 02/08/2004 | Quảng Nam  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28206500523 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 22/11/2004 | Nghệ An    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28202700418 | Bùi Huyền Diệu Ny     | 31/05/2004 | Quảng Trị  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28207237757 | Nguyễn Thị Bích Quà   | 06/11/2004 | Bình Định  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28212438893 | Phạm Anh Quân         | 18/01/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28219602924 | Đoàn Việt Quốc Quân   | 07/06/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28204500557 | Ngô Thị Thu Sương     | 02/06/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28205254016 | Phạm Thị Ngọc Thanh   | 17/04/2004 | Quảng Trị  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28206600144 | Đinh Cao Hiền Thực    | 29/05/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 25206607265 | Trần Thị Xuân Thương  | 20/12/2001 | Quảng Nam  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 28205203706 | Lương Mỹ Trang        | 24/04/2004 | Gia Lai    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 22 | 28203502896 | Trần Thị Phương Trinh | 31/10/2004 | Bình Định  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 23 | 26212138114 | Bùi Phước Tú          | 08/07/2002 | Đà Nẵng    | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 24 | 28205152850 | Mai Thị Cẩm Tú        | 18/08/2004 | Quảng Bình | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 25 | 30212450978 | Võ Đặng Tuấn          | 18/11/2006 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |
| 26 | 27212230700 | Nguyễn Xuân Vinh      | 17/04/2003 | Bình Định  | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 15h00 - 11/05/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN    | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|--------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |              |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 27 | 28206607016 | Lâm Tường Vy | 26/05/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC4 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**